

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2021/HS-ST

Ngày: 20 - 9 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Phạm Quang Vinh

+ Ông Phạm Văn T

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2021/QĐXXST - HS ngày 06/9/2021 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* **Nguyễn Hữu Đ** (còn gọi tên: N), sinh năm: 1988, tại: Lâm Đồng; nơi Đ ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số B, đường N, Phường T, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Làm vườn; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm: 1962 và bà: Phan Thị R, sinh năm: 1965; chức vụ, đảng phái, đoàn thể: Không. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 24/4/2007, Công an Phường 5, Thành phố Đà Lạt xử phạt Nguyễn Hữu Đ 150.000đ (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) về hành vi trộm cắp, đã nộp phạt vào ngày 24/4/2007; ngày 11/4/2008, bị Công an Phường 8, Thành phố Đà Lạt xử phạt 1.100.000đ (*một triệu một trăm ngàn đồng*) về hành vi gây rối trật tự công cộng (đã nộp phạt ngày 01/9/2021). Ngày 15/9/2010, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt Nguyễn Hữu Đ 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”, đã hoàn thành thi hành án vào ngày 25/02/2011.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 17/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt.

2. *Họ và tên:* **Lê Thanh H**, sinh năm: 1999, tại: Lâm Đồng; nơi Đ ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số H, đường P, Phường M, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh

Lâm Đồng; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông: Lê Thành D, sinh năm: 1972 và bà: Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm: 1973; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 16/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H: Ông Lê Cao T, là Luật sư Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đình Phú Q, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 2 đường Đ, Phường H, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

2. Anh Tạ Thanh T1, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn L, xã P1, huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng.

3. Anh Lê Hoài L, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn C, xã P1, huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số H đường Y, Phường M, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh lâm Đồng.

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Tổ Đ1, Phường M, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

3. Hoàng Phan Mai T4, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Số M đường H, Phường M, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

(Các bị cáo đều có mặt; những người liên quan và người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh H sử dụng cần sa từ năm 2017, trong quá trình sử dụng cần sa H có quen biết với Nguyễn Nữ Hải Nhi và đối tượng tên Ân (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Ngày 13/11/2020, Ân và Nhi đến quán cà phê Chill Chill do H làm chủ ở Tổ P, Phường M, thành phố Đà Lạt đặt vấn đề nhờ H mua giúp 05 (năm) kg cần sa khô và hứa hẹn sẽ trả công cho H số tiền là 2.500.000 đồng thì H đồng ý.

Sáng ngày 14/11/2021, H liên lạc với Nguyễn Hữu Đ giới thiệu có 02 người cần muốn mua cần sa với số lượng lớn nhờ Đ mua giúp. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ đến quán cà phê Chill Chill để gặp H, tại đây Đ được H giới thiệu Ân,

Nhi cần mua cần sa nhờ Đ mua giúp thì Đ đồng ý. Đ thỏa thuận cùng Ân, Nhi sẽ mua cần sa với số tiền là 20.000.000 đồng, tiền công Đ mua giúp là 4.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, Ân, Nhi đưa 24.000.000 đồng cho Đ. Khoảng 14 giờ ngày 15/11/2020, Đ xuống khu vực Chợ Nam Ban, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng mua của người đàn ông tên Bờm Anh (chưa rõ nhân thân, lai lịch) 01(một) kg cần sa khô với giá 15.000.000 đồng mang về Đà Lạt hẹn gặp Ân, Nhi để giao cần sa. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ gặp Ân và Nhi tại khu vực Hồ Xuân Hương để giao túi cần sa vừa mua được và 5.000.000 đồng tiền dư thì Ân, Nhi chỉ đồng ý nhận lại 5.000.000 đồng tiền mua cần sa còn dư nhưng yêu cầu Đ đổi lại số cần sa loại tốt hơn hoặc trả lại cho Ân và Nhi số tiền 15.000.000 đồng. Lúc này, Đ nghĩ H cấu kết với “Bờm Anh” bán cần sa xấu cho Đ nên thuê Nguyễn Đình Phú Q điều khiển xe ô tô hiệu KIA biển số 49A.116.74 chở Đ, Ân, Nhi và bạn của Đ là Nguyễn Hữu Đức xuống quán cà phê của H. Khi đến nơi, Đ mang túi cần sa hỏi H nguyên nhân cấu kết với Bờm Anh bán cần sa chất lượng xấu cho Đ và yêu cầu H trả lại tiền cho Ân, Nhi thì H không đồng ý nên Đ dùng súng cây mã tấu mang theo đánh vào vai H còn Q dùng tay đấm vào mặt H. Sau đó, Đ mang túi cần sa đi về.

Đến khoảng 13 giờ ngày 17/11/2020, Đ cầm túi cần sa đi cùng Q, Đức, Tạ Thanh T, Lê Hoài Lâm đến quán cà phê Chill Chill yêu cầu H trả tiền và nhận lại cần sa thì H không đồng ý. Đ để lộ con dao lê mang theo và đe dọa H: “*Mày có tin tao đâm mày không?*” thì H lo sợ rồi nói Đ lấy trước chiếc xe máy biển số 59X3-216.47, H sẽ chuộc lại sau. Đ nói Đức viết giấy nhận nợ yêu cầu H ký tên, rồi nói Lâm dắt xe ra đi về. Khi cả nhóm vừa ra đến cổng thì bị Công an phường 11, Đà Lạt kiểm tra phát hiện thu giữ tang vật (BL: 56-63; 73-78; 131-246):

- 01 túi nilong màu đen bên trong đựng cành lá thực vật khô nghi là cần sa;
- 01 giấy mượn tiền viết tay;
- 01 chứng nhận Đ ký xe mô tô, xe máy số 061893;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Blade màu đỏ, biển số: 59X3 - 216.47;
- 01 con dao lê bằng kim loại dài 30cm, có vỏ bọc quần băng keo màu đen.

Thu giữ của Nguyễn Hữu Đ.

- 01 điện thoại di động hiệu VSMART màu đen, bị bể màn hình, sim không hoạt động, không kiểm tra chất lượng.

Thu giữ của Lê Thanh H:

- 01 CMND mang tên Lê Thanh H, số 251157811;
- 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh đã qua sử dụng;

Thu giữ của Lê Hoài L:

- 01 điện thoại di động Nokia 1202 không kiểm tra chất lượng bên trong.

Thu giữ của Nguyễn Đình Phú Q:

- 01 điện thoại di động hiệu Mobell dạng phím bấm, nắp gập màu vàng đồng;
- 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA màu đỏ, biển số: 49A - 116.74.

Thu giữ của Tạ Thanh T:

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A1k màu đen.

Tại bản kết luận giám định số 1969/GĐ-PC09 ngày 23/11/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định mẫu cành lá cây thực vật khô đựng trong túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 01kg (*một kilôgam*), là Cần sa. Cần sa là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT: 45, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ (BL: 55)

Tại bản cáo trạng số 175/CT-VKS ngày 29/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Lê Thanh H về tội “*Tàng trữ phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Lê Thanh H khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố là hoàn toàn chính xác và xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Thanh H thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố Lê Thanh H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bản thân bị cáo H có nhân thân tốt; số lượng cần sa ở mức vừa đủ khởi điểm của khung hình phạt (1kg). Căn cứ Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo H có 04 tình tiết được xem xét cho hưởng án treo đó là mức hình phạt được đề nghị dưới 3 năm, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình; kịp thời gọi báo, giúp Cơ quan điều tra nhanh chóng phát hiện tội phạm này và tội phạm khác; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung.

Sau phân luận tội, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Lê Thanh H “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và đề nghị áp dụng điểm d khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 18 (*mười tám*) đến 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù; áp dụng điểm d khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của

Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thanh H từ 15 (*mười lăm*) đến 18 (*mười tám*) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ tang vật thu là cần sa đã qua giám định; tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu VSMART màu đen của Nguyễn Hữu Đ; 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh của Lê Thanh H. Trả cho Lê Thanh H 01 giấy chứng minh nhân dân; trả 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 cho Lê Hoài Lâm; trả 01 điện thoại di động hiệu Mobell dạng phím bấm, nắp gập màu vàng đồng cho Nguyễn Đình Phú Q và trả 01 điện thoại di động hiệu Oppo A1k màu đen cho Tạ Thanh T. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải nộp lại số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Lê Thanh H:* Ngày 14/11/2020, tại quán cà phê Chill Chill ở Tổ Đa Phước, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Lê Thanh H giới thiệu Nguyễn Hữu Đ mua cần sa cho đối tượng Nguyễn Nữ Hải Nhi và đối tượng tên Ân (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với mục đích nhận số tiền công là 2.500.000 đồng từ Ân và Nhi. Sau khi thỏa thuận tiền chi phí đi lại mua cần sa cho Ân, Nhi là 4.000.000 đồng, Đ nhận số tiền 24.000.000 đồng từ Ân, Nhi rồi xuống khu vực chợ Nam Ban, Thị trấn Nam Ban, Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng gặp một người tên “Bờm Anh” (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mua 01kg (*một kilôgam*) cần sa khô với giá 15.000.000 (*mười lăm triệu đồng*) rồi mang về lại Đà Lạt giao cần sa và tiền thừa 5.000.000 đồng cho Ân, Nhi. Do Ân, Nhi không đồng ý nhận cần sa nên khoảng 13 giờ ngày 17/11/2020, Đ cầm túi cần sa đã mua của Bờm Anh đi cùng Nguyễn Đình Phú Q, Nguyễn Hữu Đức, Tạ Thanh T, Lê Hoài Lâm đến quán cà phê Chill Chill ép H trả lại số tiền 15.000.000 đồng và nhận lại cần sa để trả lại tiền cho Nhi, Ân thì bị

Công an Phường 11, Thành phố Đà Lạt bắt quả tang thu giữ tang vật. Theo Kết luận giám định số 1969/GĐ - PC09 ngày 23/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Mẫu cành lá cây thực vật khô đựng trong túi nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy có khối lượng 01kg (*một ki lô gam*), loại cần sa.

[3] Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Lê Thanh H đều đã trưởng thành; có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đều sử dụng ma túy (cần sa). Các bị cáo biết rõ cần sa là một trong những chất ma túy và việc sử dụng, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nhằm thỏa mãn cho nhu cầu cá nhân. Hành vi của các bị cáo không chỉ vi phạm pháp luật về chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương mà còn là một trong những nguyên nhân góp phần gây ra những tệ nạn xã hội khác. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa; lời khai của các bị cáo, của người chứng kiến trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra vụ án; có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Lê Thanh H phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm d khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như cáo trạng số 175/CT-VKS ngày 29/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không bàn bạc, phân công cụ thể. Xét vai trò, hành vi của từng bị cáo thì thấy, bị cáo Lê Thanh H là người giới thiệu người nhờ Đ mua giúp cần sa; bản thân không nhận tiền; việc trao đổi cụ thể giữa người nhờ mua cần sa và Đ, H không biết; không chịu nhận cần sa để trả lại; là người trình báo sự việc đến Cơ quan Công an. Nguyễn Hữu Đ là người trực tiếp nhận tiền từ Nhi và Ân và trực tiếp mua cần sa, khi Nhi và Ân nhận lại tiền và không đồng ý nhận cần sa, thì Đ là người trực tiếp giữ lại số cần sa này và ép H phải nhận lại và để cần sa ngay quán Café của H, nên, bị cáo Đ phải có mức án cao hơn bị cáo H là phù hợp.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Do các bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an, giúp cơ quan điều tra phát hiện các hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Trong vụ án này có Nguyễn Nữ Hải Nhi (đã xác định được nhân thân lai lịch) và đối tượng tên Ân (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã nhờ Đ mua cần sa,

nên kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật để tránh bỏ sót tội phạm. Đối với đối tượng tên “Bờm Anh” (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không có cơ sở giải quyết trong vụ án này mà tiếp tục điều tra, xác minh lý sau là phù hợp.

[7] Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khởi tố xử lý đúng quy định của pháp luật đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản của Nguyễn Hữu Đ và Nguyễn Hữu Đức và hành vi gây thương tích của Nguyễn Hữu Đ; Nguyễn Đình Phú Q đối với Lê Thanh H.

[8] *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan Điều tra đã thu giữ tang vật gồm: 01 (một) túi nylon màu đen bên trong đựng cành lá thực vật khô nghi là cần sa. Qua giám định, xác định tang vật trên có chứa chất ma túy loại cần sa (*đã được niêm phong sau khi giám định*), đây là chất cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy. Thu giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART màu đen, bị bể màn hình, sim không hoạt động, không kiểm tra chất lượng của Nguyễn Hữu Đ; 01 điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh đã qua sử dụng của Lê Thanh H, xét thấy là phương tiện công cụ các bị cáo dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước. Ngoài ra, cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Thanh H 01 (một) giấy chứng minh nhân dân; 01 (một) điện thoại di động của Lê Hoài Lâm; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell dạng phím bấm, nắp gập màu vàng đồng của Nguyễn Đình Phú Q và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A1k màu đen của tạ Thanh T, xét thấy không liên quan gì đến việc giải quyết vụ án và thi hành án nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Blade màu đỏ, biển số 59X3-216.47 và 01 (một) chứng nhận Đ ký xe mô tô, xe máy số 061893; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA màu đỏ, biển số: 49A-116.74; 01 (một) con dao lê bằng kim loại dài 30cm, có vỏ bọc quần bằng keo màu đen và 01 Giấy mượn tiền viết tay, Cơ quan điều tra đã tách ra và chuyển sang vụ án liên quan đến hành vi cưỡng đoạt tài sản, nên không đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này. Đối với số tiền 4.000.000 đồng nhận từ Nhi, Ân, bị cáo đã dùng chi phí đi lại mua ma túy, xét thấy là tiền bất hợp pháp nên buộc bị cáo phải giao nộp lại để sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[9] *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. T bố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Lê Thanh H phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 11 năm 2020.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 4 năm 2021.

2. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a và c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 và 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1. Tịch thu tiêu hủy 01 (*một*) hộp giấy niêm phong mẫu hoàn. Trên giấy niêm phong ghi: Vụ 1969/2020; Nguyễn Hữu Đ (SN:1988); NCT: Sói 471 hẻm Nguyên Tử Lực, Phường 8, Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng; QĐTC: 437/CSĐT ngày 18/11/2020. Hoàn mẫu: 900g; có chữ ký, họ tên của Phạm Thị Dung; Trần Đình Huy; Nguyễn Quang Hưng và đóng dấu niêm phong tròn, màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước 01 (*một*) điện thoại di động hiệu VSMART màu đen, bị bể màn hình, sim không hoạt động, không kiểm tra chất lượng của bị cáo Nguyễn Hữu Đ; 01 (*một*) điện thoại di động hiệu VIVO màu xanh, đã qua sử dụng của Lê Thanh H.

2.3. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải giao nộp lại số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

2.4. Trả lại tài sản gồm:

- 01 (*một*) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh H cho bị cáo H;
- 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Nokia 1202, gắn simcard số 0862.432847, không kiểm tra chất lượng bên trong cho Lê Hoài Lâm;
- 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Mobile, dạng phím bấm, nắp gập màu vàng đồng, gắn số simcard 080.0788985 cho Nguyễn Đình Phú Q.
- 01 (*một*) điện thoại di động hiệu OPPO A1k, vỏ màu đen, gắn sim card số 0399.258183 cho Tạ Thanh T.

(Theo biên bản giao, nhận tang vật ngày 02/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Nguyễn Hữu Đ và Lê Thanh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày T án, các bị cáo được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Công an tp. Đà Lạt;
- Nhà tạm giữ Công an tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Các bị cáo; Luật sư;
- Người liên quan;
- Lưu: bộ phận lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

